TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Đ1 – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 720 /2019/HC-PT
Ngày 11 tháng 10 năm 2019
"V/v: Khiếu kiện các quyết định hành chính về lĩnh vực đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Đặng Quốc Khởi

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 379/2019/TLPT- HC ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc: "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*".

Do có kháng cáo của người khởi kiện (bà Phan Thị Thanh Th) đối với bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2147/2019/QĐXX-PT ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Phan Thị Thanh Th, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 15, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thanh M, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố N, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Có luật sư Nguyễn Châu H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường Đ, phường 1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1/ Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ph, phường Ph1, thành phố B1, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Nguyễn Tấn D – Trưởng phòng giá đất và bồi thường Chi cục quản lý đất đai – Sở tài nguyên môi trường

3/ Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ: đường Tôn Thất Th, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Việt A, sinh năm 1978 – Phó trưởng phòng thanh tra – kiểm tra của tổng cục quản lý đất đai

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa - Vùng Tàu;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 – Phụ trách trạm – Ban quản lý rừng phòng hộ *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: đường 27/4, phường Ph1, thành phố B1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2/ Uỷ ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B - Chủ tịch UBND phường P (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Đ1, Khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L, giám đốc (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 01 Ph, phường Ph1, thành phố B1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện trình bày: Gia đình bà có 17.663m^2 đất Diêm nghiệp dùng nuôi trồng thủy sản tại khu vực thôn Ngày 09/01/2002, ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT có Quyết định số 664/QĐ- UB phê duyệt kinh phí đền bù để thu hồi đất xây dựng Khu công nghiệp P 1, huyện T, tỉnh BR-VT với tổng diện tích đất thu hồi của gia đình bà Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đất này mua của ông Lê Văn Đ trồng dừa từ năm 1988, năm 1994 sang lại cho gia đình bà sử dụng làm muối, trong quá trình sử dụng có đăng ký kê khai, đóng thuế

nông nghiệp liên tục hàng năm theo quy định, có tên trong sổ mục kê và sổ địa chính của thị trấn P, huyện T và sổ địa chính tỉnh.

Ngày 09/01/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Quyết định số 644/QĐUB phê duyệt kinh phí đền bù để thu hồi đất xây dựng khi công nghiệp P 1, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với tổng diện tích đất thu hồi của gia đình bà 17.663m^2, nhưng toàn bộ diện tích này không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ 1.000 đồng/1m^2 với lý do nằm trong dự án 595.

Không đồng ý với cách giải quyết trên bà làm đơn khiếu nại. Ngày 06/01/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND về việc bác đơn của bà, giữ nguyên Quyết định số 644/QĐUB ngày 09/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bà tiếp tục khiếu nại. Ngày 08/5/2017, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên - Môi trường ban hành Quyết định số 1022/QĐ-BTNMT với nội dung: công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 30/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp quy định của pháp luật.

Ngày 05/6/2017, bà Th có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Nay bà làm đơn khởi kiện tại Tòa, yêu cầu Tòa hủy các quyết định sau đây:

- Quyết định số 644/QĐ-UBT ngày 09/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Người bị kiện có văn bản giải trình như sau:

Năm 1978, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thành lập Nông Trường Ch với diện tích là 17.928ha, có khu vực sát 5.120ha. Năm 1994, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu triển khai thực hiện dự án rừng phòng hộ ven biển L-M theo chương trình 327 (*dự án 595*).

Diện tích 17.663m^2 mà bà Th bị thu hồi có nguồn gốc canh tác sử dụng từ năm 1988, nằm trong diện tích đất của Lâm trường Ch và thuộc khu đất rừng phòng hộ ven biển L-M được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác lập từ năm 1994.

Tại thời điểm sử dụng đất năm 1988, đã có quyết định thành lập Lâm trường Ch, nên diện tích 17.663m^2 bà Th khiếu nại thuộc quyền quản lý sử dụng của Lâm trường Ch theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 7 Nghị định 22/1998 của Chính phủ về việc đề bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất thì toàn

bộ diện tích 17.663m^2 đất thuộc rừng phòng hộ không đủ điều kiện được đền bù thiệt hại về đất. Vì vậy việc bà Th yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với 17.663m^2 là không có cơ sở để xem xét nên việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 30 giải quyết khiếu nại là đúng. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Th.

Đại diện Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản và trình bày như sau:

Tổng diện tích đất 17.663m^2 tại thị trấn P, huyện T của bà Th bị thu hồi xây dựng khu công nghiệp P 1 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn Đ từ năm 1994. Đất do ông Đ canh tác trồng Dừa từ năm 1988, nằm trong diện tích đất Lâm trường Ch được thành lập từ năm 1978 theo Quyết định số 1814/QĐ-UBT ngày 25/12/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và thuộc đất rừng phòng hộ ven biển L-M được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác lập năm 1994.

Thời điểm gia đình ông Đ sử dụng đất năm 1988 đã có quyết định thành lập Lâm trường Ch theo Quyết định số 1814/QĐ-UBT ngày 25/12/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Nên 17.663m^2 thuộc quyền quản lý của Lâm trường Ch theo quy định. Căn cứ Điều 7 Nghị định 22/1998 của Chính Phủ, về đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất (*văn bản áp dụng tại thời điểm thu hồi đất*) thì việc UBND tỉnh không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho bà Th, nhưng đã hỗ trợ bằng một lần giá đất nông nghiệp khi thu hồi đất năm 1998 là đúng quy định pháp luật và thực tế tại địa phương.

Do vậy, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là đúng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản ý kiến trình bày văn bản như sau:

Qua rà soát đối với các trường hợp sử dụng đất của các hộ dân với ranh giới đất rừng phòng hộ, thì việc sử dụng đất của các hộ (*có hộ bà Th*) là không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do sử dụng đất nằm trong ranh giới đất rừng phòng hộ.

Trên cơ sở Ủy ban nhân dân thị trấn P đã có Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 và Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 thu hồi, hủy bỏ việc xác nhận của UBND thị trấn P đối với nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của các hộ dân không đúng quy định của pháp luật, trong đó có hộ bà Th. Ngày 10/8/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Quyết định số 212/QĐ-STNMT về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với 109

trường hợp do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật. Ngày 21/10/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Quyết định số 280/QĐ-STNMT về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với 16 trường hợp (*bổ sung*) do Ủy ban nhân dân thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật, trong đó có hộ bà Th.

Như vậy, việc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 212 và Quyết định số 280 nêu trên là đúng trình tự, thủ tục, hình thức và thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính.

Ý kiến của Ban quản lý rừng phòng hộ: Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không ký hợp đồng khoán với bà Th, khi nhà nước thu hồi đất và bồi thường Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không tham gia, nên không có ý kiến gì.

Ủy ban nhân dân thị trấn P không có ý kiến gì trong vụ án.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh Th hủy một phần Quyết định số 644/QĐ-UB ngày 09/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hủy một phần Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hủy một phần Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Hủy một phần Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 và Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND thị trấn P; Hủy một phần Quyết định số 212/2015/QĐ-STNMT ngày 10/8/2015 và Quyết định số 280/2015/QĐ-STNMT ngày 21/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với các trường hợp do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất đối với hộ bà Th (*với phần diện tích 6,7m^2 đất nằm ngoài ranh đất rừng phòng hộ*).

Buộc Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền bồi thường diện tích đất 6,7m^2 thửa 113 tờ bản đồ số 8 thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho hộ bà Phan Thị Thanh Th theo qui định pháp luật.

Án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/4/2019, bà Phan Thị Thanh Th làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của người kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Quan điểm của luật sư bảo vệ cho người khởi kiện:

Bà Th có quá trình quản lý sử dụng diện tích đất trên từ năm 1994, đất này bà Th sang nhượng của ông Lê Văn Đ mà ông Đ quản lý từ năm 1988. Sau khi sang nhượng bà Th trực tiếp quản lý, đăng ký kê khai và làm nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Căn cứ Luật đất đai năm 1993 thì khi thu hồi đất bà Th phải được đền bù giá trị đất và tài sản có trên đất theo như Nghị định 22/CP của Chính phủ.

Mặt khác khi giao đất cho ban quản lý khu công nghiệp P 1, cơ quan chức năng không ra quyết định thu hồi diện tích đất bà Th đang quản lý là trái với Điều 21 Luật đất đai năm 1993. Việc cơ quan chức năng cho rằng đất bà Th là nằm trong đất rừng phòng hộ là không đúng vì bà Th quản lý từ năm 1994, trong khi năm 2012 mới xác định ranh giới rừng phòng hộ. Đất bà Th lấy giao làm khu công nghiệp P 1 từ năm 2002, trong khi năm 2017 mới cắm mốc phân ranh rừng phòng hộ nhưng lại cho đất bà Th nằm trong rừng phòng hộ là không đúng thực tế. Tôi đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu kháng cáo sửa án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm hủy các quyết định trên để Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định đúng qui định pháp luật.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Từ khi thụ lý, xét xử, Hội đồng xét xử thực hiện đúng tố tụng hành chính. Tại phiên tòa ngày 26/8/2019 Kiểm sát viên đã phát biểu căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy việc kháng cáo của bà Phan Thị Thanh Th là không có căn cứ, đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Thanh Th, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng từ đó dẫn đến đường lối giải quyết vụ án không phù hợp với quy định pháp luật thể hiện ở chỗ.

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Thanh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau: Quyết định số 644/QĐ – UBT ngày 09/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù và các chính sách hỗ trợ khác để giải tỏa thu hồi đất xây dựng khu công nghiệp P 1, huyện T; Quyết định số 30/QĐ - UBND ngày 06/01/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần 1; Quyết định số 1022/QĐ – BTNMT ngày 08/5/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần 2. Như vậy đối tượng khởi kiện trong vụ án này là 03 quyết định (*Quyết định 644; Quyết định 30; Quyết định 1022*) Tòa sơ thẩm nhận định rằng Quyết định 143/QĐ – UBND ngày 23/7/2015 và Quyết định 181/QĐ – UBND ngày 11/9/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, Quyết định 212/2015/QĐ – STNMT ngày 10/8/2015 và Quyết định số 280/2015/QĐ – STNMT ngày 21/10/2015 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là quyết định có liên quan Hội đồng xét xử xem xét các quyết định này tại khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Nhận định như vậy để đi đến hủy một phần các quyết định trên là sai. Bởi vì khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính quy định: "*Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết*

định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri bị khởi kiện, quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan." Các Quyết định 43 và 181 của Ủy ban nhân dân thị trấn P; Quyết định số 212 và 280 của Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không phải là các văn bản quy phạm pháp luật, cũng không phải là các quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (*thực tế sau khi thấy Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 30 bác đơn khiếu nại của bà Th, thì Ủy ban nhân dân thị trấn P ban hành Quyết định 143 và 181 thu hồi và hủy bỏ việc xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh ban hành Quyết định 212 và 280 điều chỉnh sổ địa chính đối với các trường hợp đăng ký*). Bản chất các quyết định trên là tự phủ nhận hành vi mà cơ quan chức năng đã xác nhận trước đó, chứ không phải là quyết định giải quyết khiếu nại theo yêu cầu của bà Th. Phân tích kỹ nội dung trên để thấy rằng cấp sơ thẩm đã sai sót và nhầm lẫn trong việc xác định đối tượng khởi kiện.

[2] Về nội dung: Tòa sơ thẩm tuyên hủy một phần các quyết định sau: Quyết định số 644/QĐ – UBT ngày 09/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quyết định số 30/QĐ - UBND ngày 06/01/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quyết định số 1022/QĐ – BTNMT ngày 08/5/2017 của Bộ tài nguyên và môi trường; Quyết định 143/QĐ – UBND ngày 23/7/2015 và Quyết định 181/QĐ – UBND ngày 11/9/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn P; Quyết định 212/2015/QĐ – STNMT ngày 10/8/2015 và Quyết định số 280/2015/QĐ – STNMT ngày 21/10/2015 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân thị trấn P xác nhận nguồn gốc đối với hộ bà Th (*với phần diện tích 6,7m^2 đất nằm ngoài ranh đất rừng phòng hộ*). Tuyên như Tòa sơ thẩm là không chính xác với thực tế và không đúng với nội dung của các quyết định. Thể hiện ở chỗ:

Quyết định số 30 là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định 1022 là quyết định giải quyết lần 2; Quyết định 143 và 181 của Ủy ban nhân dân thị trấn P là hủy bỏ việc xác nhận nguồn gốc đất, Quyết định 212 và 280 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là quyết định điều chỉnh sổ địa chính, vậy vấn đề đặt ra hủy một phần (*phần diện tích 6,7m^2*) nằm ở phần nào của các quyết định trên?

[3] Với những vi phạm thiếu sót trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được do đó cần phải hủy toàn bộ án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Do đó việc Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và chứng cứ có tại hồ sơ, nên không được chấp nhận.

[4] Khi về xét xử lại. Để xem xét tính có căn cứ của các quyết định bị khởi kiện cần làm rõ: Bà Th trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất trên từ khi nào, quá trình quản lý kê khai và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền như thế nào. Lý do vì sao cơ quan chức năng xác nhận nguồn gốc đăng ký và sau đó hủy

bỏ việc xác nhận đăng ký. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có ban hành quyết định thu hồi đất bà Th đang quản lý theo quy định tại Điều 21 Luật đất đai năm 1993 không cũng cần điều tra làm rõ.

Bản án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại, nên bà Phan Thị Thanh Th không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại bà Th tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Thanh Th. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

Về án phí: Bà Phan Thị Thanh Th không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Thanh Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp (*theo biên lai thu tiền số 0008384 ngày 03/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn